

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 – ĐỒNG THÁP
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 34/2026/DS-ST

Ngày: 30/03/2026

“V/v tranh chấp về hợp đồng
dân sự vay vốn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Huế.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Dũng.

Ông Nguyễn Phú Hữu.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Ngọc Trang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 – Đồng Tháp.

Trong ngày 30/03/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 466/2025/TLST-DS ngày 31 tháng 12 năm 2025 về việc “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay vốn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2026/QĐXXST-DS, ngày 24/02/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 85/2026/QĐST-DS ngày 13 tháng 03 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Tổ chức tài chính vi mô A.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Văn T – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Địa chỉ: Số 1, đường C, Phường Bến Thành, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông T là: Bà Nguyễn Thị Ngọc D – Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh C (Văn bản uỷ quyền ngày 23/4/2024).

Người đại diện theo uỷ quyền của bà D là: Chị Nguyễn Thị Duyên T – Chức vụ: Nhân viên tín dụng; Địa chỉ: Số 1, đường Trần Thị T, Phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (Văn bản uỷ quyền ngày 18/11/2025).

- Bị đơn:

1. Phạm Thị Hồng G, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Tổ A, khóm Thuận P, Phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

2. Lê Thiên N, sinh năm 2006.

Địa chỉ: Tổ A, khóm Thuận P, Phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị Nguyễn Thị Duyên T là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn có mặt tại phiên tòa; bà Phạm Thị Hồng G và chị Lê Thiên N là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, tại phiên họp kiểm tra công khai chứng cứ và tại phiên tòa nguyên đơn Tổ chức tài chính vi A (có Nguyễn Thị Duyên T là người đại diện theo uỷ quyền) trình bày:**

Căn cứ vào hợp đồng vay vốn ngày 12/9/2023, bà Phạm Thị Hồng Gầm có vay của Tổ chức tài chính vi mô A – Chi nhánh C số tiền là 15.000.000 đồng, mục đích vay vốn: Mua phụ liệu may gia công, thời hạn vay: 40 tuần, bên vay trả nợ gốc định kỳ 04 tuần một lần, kỳ trả gốc đầu tiên là ngày 09/10/2023, kỳ trả nợ gốc cuối cùng là ngày 17/6/2024, lãi suất cho vay là 0,76%/4 tuần. Bốn tuần bà G sẽ thanh toán tiền gốc và lãi một lần, số tiền phải đóng là 1.590.000 đồng, kỳ cuối cùng sẽ đóng là số tiền 1.830.000 đồng.

Con bà G là chị Lê Thiên N có ký cam kết bảo lãnh.

Từ khi vay vốn đến nay bà G đã thanh toán được số tiền là 12.518.662 đồng còn nợ lại của Tổ chức tài chính vi mô A Chi nhánh C số tiền là 3.621.338 đồng.

Hợp đồng vay vốn ngày 12/9/2023 của bà G đã hết hạn vào ngày 17/6/2024, Tổ chức tài chính vi mô A đã hoàn thành xong việc đáo hạn. Phía bà G và chị N vẫn chưa hoàn tất khoản vay nêu trên.

Hiện nay, bà G và chị N còn nợ số tiền là 3.621.338 đồng (trong đó nợ gốc 3.051.338 đồng và nợ lãi là 570.000 đồng).

Nay Tổ chức tài chính vi mô A yêu cầu bà Phạm Thị Hồng G và chị Lê Thiên N phải có trách nhiệm liên đới trả cho Tổ chức tài chính vi mô A số tiền là 3.621.338 đồng (trong đó nợ gốc 3.051.338 đồng và nợ lãi là 570.000 đồng), không yêu cầu tính lãi trong thời gian quá hạn nêu trên.

Tại phiên tòa, chị T là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, Tổ chức tài chính vi mô A chỉ yêu cầu bà G trả cho Tổ chức tài chính vi mô A số tiền gốc và lãi là 3.621.338 đồng, không yêu cầu chị N có trách nhiệm liên đới với bà G trả nợ cho Tổ chức tài chính vi mô A vì theo như Hợp đồng vay vốn chỉ có mình bà G là người vay tiền, chị N chỉ ký vào Giấy cam kết bảo lãnh. Tổ chức tài chính vi mô A không yêu cầu đối với chị N là người ký cam kết bảo lãnh chỉ yêu cầu bà G trả số tiền vay.

*** Đối với bị đơn bà Phạm Thị Hồng G và chị Lê Thiên N:** Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà Phạm Thị Hồng G và chị Lê Thiên N là bị đơn nhưng bà G và chị N vắng mặt không có lý do. Đồng thời, bà G và chị N cũng không có văn bản trình bày ý kiến về việc Tổ chức tài chính vi mô A khởi kiện đối với số tiền vay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của Tổ chức tài chính vi mô A và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay vốn. Bị đơn bà Phạm Thị Hồng G và chị Lê Thiên N có địa chỉ tại Phường Cao Lãnh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Bà Phạm Thị Hồng G và chị Lê Thiên N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của Tổ chức tài chính vi mô A yêu cầu bà Phạm Thị Hồng G trả cho Tổ chức tài chính vi mô A số tiền gốc và lãi là 3.621.338 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, Căn cứ vào hợp đồng vay vốn ngày 12/9/2023, bà Phạm Thị Hồng G có vay của Tổ chức tài chính vi mô A – Chi nhánh C số tiền là 15.000.000 đồng, mục đích vay vốn: Mua phụ liệu may gia công, thời hạn vay: 40 tuần, bên vay trả nợ gốc định kỳ 04 tuần một lần, kỳ trả gốc đầu tiên là ngày 09/10/2023, kỳ trả nợ gốc cuối cùng là ngày 17/6/2024, lãi suất cho vay là 0,76%/4 tuần.

Từ khi vay đến nay bà G đã trả được số tiền gốc và lãi là 12.518.662 đồng. Hiện nay, bà G còn nợ lại số tiền gốc là 3.051.338 đồng và tiền lãi là 570.000. Tổng gốc và lãi là 3.621.338 đồng. Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án bà G không có văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Từ những nhận định nêu trên, Tổ chức tài chính vi mô A yêu cầu bà G trả số tiền gốc là 3.051.338 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Đối với tiền lãi suất: Tổ chức tài chính vi mô A yêu cầu bà G trả tiền lãi số tiền là 570.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, hợp đồng vay vốn ngày 12/9/2023 hai bên đã thoả thuận lãi suất là 0,76%/4 tuần, không yêu cầu tính lãi suất quá hạn. Việc thoả thuận này là phù hợp với quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 13 của Nghị quyết 01/2029/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Từ những phân tích trên, Tổ chức tài chính vi mô A yêu cầu bà G trả số tiền lãi là 570.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại phiên tòa, chị T là người đại diện theo uỷ quyền của Tổ chức tài chính vi mô A thay đổi yêu cầu

khởi kiện, không yêu cầu chị N có trách nhiệm liên đới với bà G trả nợ là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 5, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Tổ chức tài chính vi mô A nên bà G chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tổ chức tài chính vi mô A được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0011378 ngày 23/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 158, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 244 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 119, Điều 357, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Tổ chức tài chính vi mô A về việc yêu cầu bà Phạm Thị Hồng G trả số tiền gốc và lãi là 3.621.338 đồng.

2. Buộc bà Phạm Thị Hồng G phải trả cho Tổ chức tài chính vi mô A số tiền gốc và lãi là 3.621.338 đồng (Ba triệu sáu trăm hai mươi một nghìn ba trăm ba mươi tám đồng)

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị Hồng G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Tổ chức tài chính vi mô A được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0011378 ngày 23/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

4. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 - Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND KV6 - ĐT;
- Phòng THADS KV6 - ĐT;
- TAND tỉnh ĐT;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Huế